TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật tóm lược (Quyển cuối)

ISSN: 2734-9195 19:51 26/06/2026

Bộ Luận Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật được giảng giải bởi Hòa thượng Tuyên Hóa, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, gồm có 25 quyển. Bài viết này là những ý chính, cô đọng nhất của quyển 25 (quyển cuối)

1. Giải nghĩa Bốn mươi hai thánh tự

42 thánh tự tức 42 thánh cổ chữ Phạn, có uy lực không thể giải nghĩa trọn vẹn. Khi đọc giải nghĩa, chúng sinh có thể sinh 2 tâm: 1. Hồ nghi, 2. Chẳng thể hiểu. Điều này cũng dễ hiểu thôi, vì khác biệt ngôn ngữ, vì tính hình tượng, vì căn cơ không tới. Nhưng đừng lo, đã phát tâm tu thì hãy cứ đọc, đọc thêm Trí luận, khi đủ nhân duyên, trải qua nhiều chuyện, gặp thiện tri thức, tâm truyền tâm với Chư Phật, tự nhiên sẽ dung thông mà đắc được ý nghĩa.

1. Ý nghĩa chữ A là vô sinh. Dùng lý vô sinh, thống lý vạn pháp, cho nên nói không khác biệt. Bồ Tát đắc được vô sinh nầy, liền thông đạt các pháp không, dứt tất cả chướng, cho nên là oai lực. Trong Trí Luận có nói rằng: Chữ nầy là môn thật tướng, liền hiển ba thứ Bát Nhã, chẳng lìa bỏ nhau, tự tức văn tự Bát Nhã. Nhập vào môn Bát Nhã Ba La Mật, tức quán chiếu Bát Nhã, ngộ chẳng sinh, tức thật tướng Bát Nhã

2. Chữ Đa nghĩa là thanh tịnh không nhiễm, lìa khỏi trần cấu. Trong Kim Cang Đỉnh có nói rằng: Vì như như bất khả đắc. Như tức là vô biên sai biệt, nên như bất khả đắc. Chữ Đa, còn là chữ La. Trong Niết Bàn có nói rằng: Chữ La, có thể hoại tham sân si, nói pháp chân thật, cũng có nghĩa hoại trần cấu

3. Chữ Ba, trong Ngũ Tự Kinh có nói rằng: Cũng không có đệ nhất nghĩa đế, các pháp bình đẳng, tức là chân tục cả hai đều mất, là chân pháp giới. Các pháp bình đẳng, là chiếu khắp. Chữ Ba còn là chữ Bả. Trong Kim Cang Đỉnh có nói rằng: Bả, đệ nhất nghĩa bất khả đắc, liền đủ tướng Bát Nhã

4. Chữ Giả, là các pháp không có các hạnh. Là các hạnh tức không, nên khắp thôi sai biệt. Kim cang luân hay đoạn trừ tất cả phiền não của chúng sinh. Chữ Giả còn là chữ Già. Trong Niết Bàn có nói rằng: Già, tức là nghĩa tu. Vì điều phục tất cả các chúng sinh, mà hạnh xuất thế cũng bất khả đắc, mới là môn Bát Nhã vậy

5. Chữ Na, là các pháp không có tính tướng. Lới nói văn tự đều bất khả đắc. Là tính tướng cả hai đều mất, nên không chỗ nương. Năng sở cả hai đều mất, gọi là vô thượng. Ở trên là Văn Thù Ngũ Tự Tâm Chú, ở trong Năng Quy Quán Tâm có nói rằng: Ông biết là quan trọng, nên quán tâm nầy. Bổn lai thanh tịnh, không nhiễm, không chấp, lìa khỏi phân biệt cái ta và của ta

6. Chữ La, có thể ngộ tất cả pháp, vì lìa khỏi duyên của thế gian, vì chi ái nhân duyên vĩnh viễn chẳng hiện, lìa khỏi thế gian nên không nương tựa, vì ái chẳng hiện nên không dơ bẩn

7. Chữ Đả, có thể ngộ tất cả pháp, điều phục tịch tĩnh, chân như bình đẳng. Vì không phân biệt, mới không thối chuyển phương tiện. Chữ Đả còn là chữ Na. Trong Trí Luận có nói rằng: Nếu nghe được chữ Đả, thì biết tướng tất cả pháp thiện

8. Chữ Bà, có thể tất cả pháp, vì lìa khỏi duyên buộc giải, mới nhập vào kim cang tràng. Đức Phật nhập vào kim cang tam muội, dứt hoặc như kim cang. Tại kim cang tràng, đắc được không buộc giải, là thật dứt vậy

9. Chữ Đồ, có thể ngộ tất cả pháp, lìa sân kiêu mạn, vì đắc được sự mát mẻ. Trong Trí Luận có nói rằng: Nếu nghe chư Đồ, thì liền biết các pháp chẳng nóng, chẳng nóng tức được mát mẻ, mới là tướng Bát Nhã

10. Chữ Sa, có thể ngộ tất cả pháp, vì không quái ngại, giống như biển dung chứa. Giống như nước với nhau, vì chẳng ngại nhau

11. Chữ Phược, có thể ngộ tất cả pháp, vì lời nói đã bặt, nên có thể khắp an trụ. Trong Trí Luận có nói rằng: Nếu nghe đến chữ Phược, thì biết tất cả pháp lìa tướng lời nói

12. Chữ Đá, có thể ngộ tất cả pháp, vì chân như bất động, bất động liền viên mãn phát quang. Trong Trí luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Đá thì liền biết các pháp ở trong như bất động

13. Chữ Dã, có thể ngộ tất cả pháp, vì chân thật chẳng sinh, tức các thừa sai biệt tích tụ, đều bất khả đắc. Trong Trí luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Dã, liền biết các pháp vào trong thật tướng, chẳng sinh, chẳng diệt. Chữ Dã còn là chữ

Dạ

14. Chữ Sắc Tra, có thể ngộ tất cả pháp, vì chế phục tướng nhậm trì bất khả đắc. Phổ quang minh tức hay chế phục nhậm trì, phiền não tức sở chế phục. "Tức" nghĩa là phục. Trong trí luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Sắc Tra, liền biết tất cả pháp tướng không chướng ngại

15. Chữ Ca, có thể ngộ tất cả pháp, vì kẻ làm bất khả đắc, thì nghiệp làm như mây, đều không khác biệt. Trong trí luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Ca, thì liền biết trong các pháp không có kẻ làm

16. Chữ Sa, có thể ngộ tất cả pháp, tức thời tính bình đẳng, bất khả đắc. Trong trí luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Sa, thì biết tất cả pháp tất cả mọi thứ bất khả đắc. Trong Niết Bàn có nói rằng: Sa, vì các chúng sinh diễn nói chính pháp. Ý sáng chủng trí đúng thời mà nói, vì cũng bất khả đắc

17. Chữ Ma, có thể ngộ tất cả pháp, ngã sở chấp tính bất khả đắc. Đại lưu là ngã mạn tức sinh tử chảy mãi. Nước chảy xiết mau lẹ, ngã mạn cao vời. Các đỉnh núi đứng trơ trọi, vì đều do ngã sở chấp. Trong trí luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Ma, nghĩa là biết tất cả pháp lìa ngã sở

18. Chữ Già, có thể ngộ tất cả pháp, vì hạnh thủ tính bất khả đắc. Lời an lập, vì dùng hạnh thủ mà có thể an lập. Trong trí luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Già, thì liền biết đấy tất cả pháp bất khả đắc

19. Chữ Tha, có thể ngộ tất cả pháp, vì tính xứ sở bất khả đắc. Dùng chân như bình đẳng, là xứ sở chỗ nương của tất cả pháp. Trong trí luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Tha, thì liền biết bốn câu như pháp bất khả đắc. Như pháp tức là xứ sở, ví như pháp thời pháp

20. Chữ Xã, tức ngộ tất cả pháp, chỗ sinh khởi bất khả đắc. Dùng có năng, có sở, vì là biển thế gian. Chữ Xã còn là chữ Xà. Trong Trí Luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Xà, liền biết các pháp sinh tử bất khả đắc

21. Chữ Toả, tức ngộ tất cả pháp, tính an ổn bất khả đắc. Dùng niệm Phật trang nghiêm, vì an ổn nhất. Chữ Toả còn là chữ Bà Phược, còn là chữ Thấp Ba. Trong Trí Luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Thấp Ba, liền biết tất cả pháp bất khả đắc, như Thấp Ba bất khả đắc, chữ Thấp Ba nghĩa không khác biệt. Mà trong Quang Tán có nói rằng: Không chỗ khởi. Không chỗ khởi. Không chỗ khởi. Ba lần, tức nghĩa an ổn

22. Chữ Đá còn là chữ Đà, tức ngộ tất cả pháp, tính trì giới bất khả đắc. Dùng giản pháp tụ, vì liền có thể trì giới tính. Trong Trí Luận có nói rằng: Nếu nghe

chữ Đà, thì biết tính tất cả pháp bất khả đắc

23. Chữ Xa, tức ngộ tất cả pháp, tính tịch tĩnh bất khả đắc. Vì dùng tịch tĩnh thì thuận Phật giáo. Trong Trí Luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Xa, liền biết tướng tịch diệt của chư Phật

24. Chữ Khư, tức ngộ tất cả pháp, tính như hư không bất khả đắc. Nhờ trí tuệ như hư không, nên có thể dung chứa. Chữ Khư còn là chữ Khứ. Trong Trí Luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Khứ, thì biết tất cả pháp, đồng với hư không bất khả đắc

25. Chữ Xoa, tức ngộ tất cả pháp, tính hết bất khả đắc. Do đó biển nghiệp sâu rộng, đều bao dung hết, cho nên tên là tạng. Trong Trí Luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Xoa, liền biết hết tất cả pháp bất khả đắc

26. Chữ Sa Đa, tức ngộ tất cả pháp, nhậm trì nơi xứ chẳng phải xứ, khiến tính bất động bất khả đắc. Dùng hoặc chướng làm chẳng phải xứ. Khai tĩnh quang minh làm xứ sở. Ở đây dùng lìa chướng chân không làm xứ như thật. Trong Trí Luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Đa, liền biết bờ mé các pháp bất khả đắc

27. Chữ Nhưỡng, lối khác dịch là chữ Nương, tức ngộ tất cả pháp, biết được tánh bất khả đắc. Năng biết là trí huệ, sở biết là cửa. Chữ Nhưỡng còn là chữ Nhược. Trong Trí Luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Nhược, liền biết trong tất cả pháp không có tướng trí

28. Chữ Hạt Lã Đa, tức ngộ tất cả pháp, chấp trước nghĩa tính bất khả đắc. Do đó chấp trước là cảnh sinh tử, nghĩa tức trí tuệ luân. Dùng chấp trước sinh tử là sở quán cảnh của trí tuệ. Chữ Hạt Lã Đa còn là chữ Tha. Trong Trí Luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Tha, liền biết nghĩa tất cả pháp bất khả đắc

29. Chữ Ba, tức ngộ tất cả pháp, tính có thể phá hoại bất khả đắc. Lời viên mãn. Tam Tạng Pháp Sư Bất Không dịch là đạo tràng. Do đó, cung điện đạo tràng, trang nghiêm theo duyên, nên có thể phá hoại, tức chẳng phải trang nghiêm, nên bất khả đắc. Cho nên đó nói rằng: Khi đọc chữ Ba, thì nhập vào môn Bát Nhã Ba La Mật nhất thiết cung điện đạo tràng trang nghiêm. Trong Trí Luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Ba, thì biết rõ tướng phá hoại tất cả pháp bất khả đắc

30. Chữ Xa, lối khác dịch là Tha. Tức ngộ tất cả pháp, tính che đậy dục lạc bất khả đắc. Tức phương tiện tuỳ hỉ lạc, nên các biệt viên mãn. Tức che đậy bất khả đắc. Trong Trí Luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Xa, liền biết tất cả pháp không chỗ đi

31. Chữ Sa Ma, tức ngộ tất cả pháp, tính có thể nghĩ nhớ bất khả đắc. Chữ Sa Ma còn là chữ Thấp Đạm. Trong Trí Luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Thấp Đạm, liền biết nghĩa các pháp kiên cố như kim cang

32. Chữ Ha Bà, lối khác dịch là chữ Ha Phược. Tức ngộ tất cả pháp, tính có thể hô chiêu bất khả đắc. Do đó vì vô duyên chiêu khiến cho hữu duyên. Trong Trí Luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Hoả, liền biết tất cả pháp không âm thanh

33. Chữ Tha, tức ngộ tất cả pháp, tính dũng kiện bất khả đắc, dùng dũng kiện mới có thể tu nhận công đức. Trong Trí Luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Tha, liền biết tất cả pháp không sẻn, không thí

34. Chữ Già, tức ngộ tất cả pháp, tính dày bình đẳng bất khả đắc. Do đó dày như đất, có thể giữ gìn bình đẳng. Cũng có thể dung chứa, như biển bình đẳng, có thể bảo mây mưa thuyết pháp, dùng bất khả đắc, nên có thể giữ gìn, có thể dung chứa. Trong Trí Luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Già, liền biết các pháp không dày, không mỏng

35. Chữ Tra, lối khác dịch là chữ Sá. Tức ngộ tất cả pháp, tính tích tập bất khả đắc. Do đó tích tập niệm Phật, nên có thể thấy khắp. Chữ Tra còn là chữ Tha. Trong Trí Luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Tha, liền biết tất cả pháp không chỗ trụ

36. Chữ Nã, lối khác dịch là chữ Ninh. Tức ngộ tất cả pháp, lìa các sự kiện cãi. Không vãng lai, tính đi đứng nằm ngồi bất khả đắc. Do đó dùng thường quán tự luân, vì biết chúng sinh không, pháp không. Trong Trí Luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Nã, liền biết tất cả pháp và chúng sinh không đi, không đến, chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng ngồi, chẳng nằm, chẳng đứng, chẳng dậy, chúng sinh không, pháp không

37. Chữ Sa Phã, tức ngộ tất cả pháp, đầy khắp quả báo bất khả đắc. Do đó hoá sinh cứu kính, mới đầy khắp quả báo. Nhân quả đều không, mới viên mãn. Chữ Sa Phã còn là chữ Phã. Trong Trí Luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Phã, liền biết tất cả pháp nhân quả

38. Chữ Sa Ca, lối khác dịch là chữ Tắc Ca. Tức ngộ tất cả pháp, tính tích tụ uẩn bất khả đắc. Do đó uẩn tích làm tạng rộng lớn. Quang luân vô ngại sở tích uẩn vậy. Trong Trí Luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Ca, liền biết tất cả pháp năm chúng bất khả đắc. Năm chúng tức là sắc thọ tưởng hành thức năm uẩn vậy

39. Chữ Dã Sa, ức ngộ tất cả pháp, tính tướng suy già bất khả đắc. Do đó tính suy già tức cảnh giới Phật pháp. Trong Trí Luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Tha, liền biết chữ Tha là không, các pháp cũng thế, cũng là không

40. Chữ Thất Giả, lối khác dịch là Thất Tả. Tức ngộ tất cả pháp, dấu chân tích tụ bất khả đắc. Do đó tích tụ tức tất cả chúng sinh. Pháp lôi tức là dấu chân. Chân tức là năng đi, do đi mà có dấu, dấu là sở đi. Pháp lôi, pháp hống, tức pháp đi vậy. Trong Trí Luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Thất Giả, liền biết nghĩa tất cả pháp tướng bất động

41. Chữ Sá, lối dịch khác là chữ Thác, tức ngộ tất cả pháp, tính tướng thúc đuổi bất khả đắc. Do đó dùng hiểu sự vô ngã, tức là thúc đuổi khiến cho đến bờ bên kia. Nếu là bậc biểu ước thì đây sẽ là Đẳng Giác. Pháp thân luôn đầy. Nên quên hai bờ. Trong Trí Luận có nói rằng: Nếu nghe chữ Sá, liền biết tất cả pháp đó đây hai bờ bất khả đắc

42. Chữ Đà, tức ngộ tất cả pháp, nơi rốt ráo bất khả đắc. Nói về sai biệt tạng, là nơi rốt ráo nầy bất khả đắc, hàm chứa tất cả pháp luân, cũng là nơi quy cực của tất cả pháp luân. Ước biểu vị đương diệu giác, là rốt ráo bờ mé tất cả pháp. Tận kỳ xứ sở, không sinh, không chết, không có kẻ làm, ý đều bồ đề vậy. Trong Trí Luận có nói rằng: Nếu nghe tới được chữ Đà, tức biết tất cả pháp bất khả đắc

Bốn mươi hai tự mẫu ở trên, đều nói về môn nhập vào Bát Nhã Ba La Mật, mà bậc Đẳng Giác nói, ý lìa tướng văn tự, lìa tâm duyên tướng, cho đến lìa tất cả tướng, mới chứng nhập được nguồn tâm nhất pháp giới vậy. Bốn mươi hai tự mẫu, pháp môn tổng nhiếp bốn mươi hai bậc. Tức bậc Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập Địa, Đẳng giác, Diệu giác. Phải lìa lời nói mới có thể chứng nhập. Bốn mươi hai chữ nầy, mỗi mỗi đều lập, nhập vào môn Bát Nhã Ba La Mật. Mà Bát Nhã nầy, rốt ráo là căn bản quả trí của Phật. Bốn mươi hai chữ nầy, đều nói bất khả đắc. Bất khả đắc vẫn đắc bồ đề, đó là nơi trở về tột cùng nhập vào pháp giới. Xướng tự mẫu nầy, thì dẫn nhập vào môn Bát Nhã, chứ chẳng phải chữ là Bát Nhã, điểm nầy phải minh bạch.



Ảnh minh họa thiết kế bởi AI (sưu tầm)

2. Hai mươi thứ công đức

Thọ trì pháp môn chữ nầy, có thể đắc được hai mươi thứ công đức:

1. Đắc được nghĩ nhớ mạnh mẽ

2. Đắc được tàm quý thù thắng

3. Đắc được sức kiên cố

4. Đắc được pháp chỉ thú

5. Đắc được tăng thượng giác

6. Đắc được tuệ thù thắng

7. Đắc được vô ngại biện

8. Đắc được môn tổng trì

9. Đắc được không nghi hoặc

10. Đắc được trái thuận không sinh thương ghét

11. Đắc được không cao thấp bình đẳng mà trụ

12. Đắc được lời nói âm thanh khéo léo đối với hữu tình

13. Đắc được uẩn khéo léo, xứ khéo léo, giới khéo léo

14. Đắc được duyên khởi khéo léo, nhân khéo léo, duyên khéo léo

15. Đắc được pháp khéo léo

16. Đắc được căn thắng liệt trí khéo kéo

17. Đắc được tha tâm trí khéo léo

18. Đắc được quán tịnh tịch khéo léo

19. Đắc được thiên nhĩ trí khéo léo, túc trụ tuỳ niệm trí khéo léo, thần cảnh trí khéo léo, sinh tử trí khéo léo, lậu tận trí khéo léo

20. Đắc được nói xứ phi xứ trí khéo léo, oai nghi thi thiết đến đi khéo léo

Khi ta đọc xướng bốn mươi hai tự mẫu, thì dùng bốn mươi hai môn Bát Nhã Ba La Mật nầy làm đầu, chứng nhập vào vô lượng vô số môn Bát Nhã Ba La Mật. Đủ thứ lời nói, đều không ra khỏi bốn mươi hai tự mẫu nầy. Kinh Hoa Nghiêm diễn nói vô tận pháp giới, pháp môn bốn mươi hai bậc viên dung nhân quả, đều không ra khỏi sự biểu đạt ngôn ngữ âm thanh, cho nên bốn mươi hai chữ tổng nhiếp pháp môn bốn mươi hai bậc.

Kinh là hết thảy tất cả Kinh điển, luật là giới luật, luận là luận nghị. Pháp sư có thể nói dùng pháp làm thầy, dùng Phật pháp làm thầy, cũng có thể nói dùng pháp thí cho người, dùng Phật pháp để bố thí cho người, đều xưng là pháp sư. Vị tam tạng pháp sư nầy là ai? Ngài là Bát Nhã. Bát Nhã là tiếng Phạn, dịch ra là trí tuệ. Tại sao không dịch thẳng ra tiếng Tàu, mà vẫn giữ âm tiếng Phạn? Vì nó thuộc về một trong năm thứ không dịch là “Tôn trọng không dịch”.

3. Phẩm Phổ Hiền hạnh nguyện

Thế nào gọi là Phổ? Đạo khắp vụ trụ là Phổ, ý nghĩa là đạo của Ngài đầy khắp vũ trụ; Đức đến cực Thánh là Hiền, ý nghĩa là đức tính của Ngài đồng với Thánh nhân. Hạnh là đại hạnh tu hành, Nguyện là chỉ lời nguyện của Ngài phát ra lớn nhất, cho nên gọi là Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát. Trong Phật giáo có bốn vị đại Bồ Tát: Bồ Tát Văn Thù là trí tuệ bậc nhất trong hàng Bồ Tát, Bồ Tát Địa Tạng, là nguyện lực bậc nhất, Bồ Tát Quán Âm là từ bi bậc nhất, Bồ Tát Phổ Hiền là hạnh môn bậc nhất. Khi Phật nói pháp thì trước hết do đệ tử thỉnh pháp. Kinh Hoa Nghiêm thì Bồ Tát Phổ Hiền làm chủ thỉnh pháp, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì tôn giả Xá Lợi Phất thỉnh pháp, Kinh Lăng Nghiêm thì tôn giả A Nan thỉnh pháp. Vào cảnh giới giải thoát không nghĩ bàn, ý nghĩa là đạt đến cảnh giới giải thoát không thể nghĩ bàn, không cách gì tưởng tượng được. Giải thoát vốn chẳng có cảnh giới, có cảnh giới thì chẳng phải giải thoát. Vậy tại sao lại nói là cảnh giới

giải thoát? Cảnh giới nầy chỉ là ví dụ, bổn lai chẳng có một cảnh giới nào, vì khi được giải thoát rồi, thì gì cũng chẳng còn nữa. Phổ Hiền tức là đạo khắp vũ trụ, đức đến cực Thánh.

Bồ Tát là tiếng Phạn, đầy đủ là Bồ đề tát đoả. Bồ là giác, Tát là hữu tình, Bồ Tát là giác hữu tình, tức là giác ngộ hữu tình. Hết thảy tất cả chúng sinh đều gọi là hữu tình. Cây cỏ vô tình nhưng có tính, có sinh tính, mà Nho giáo gọi là nhân. Nhân tức là tính, còn có thể nói là đạo, cũng có thể nói là mẹ của vạn vật. Con người đương nhiên cũng có nhân nầy, bằng không, chẳng thể gọi là con người, nhân và con người, hợp lại gọi là đạo. Khổng Tử nói nhân tức là tất cả cây cỏ đều có nhân nầy, đều có sinh cơ. Mùa xuân thì đâm chồi nảy lộc, như vậy cho đến mùa thu thì nở hoa kết trái, đây là nhờ có tính nhân.

Hoa cỏ cây cối có nhân, chỉ là rất ít, cho nên khi hoa bị chặt đứt thì nó cũng phát ra một thứ tiếng sợ hãi, chỉ bất quá con người không nghe thấy mà thôi.

Tại sao nó có thể phát ra tiếng? Vì nó cũng có tính, bất quá tính nầy chẳng đầy đủ, chỉ có một chút mà thôi. Tại sao hoa cỏ cây cối cũng có tính? Vì chúng sinh lớn lên thời gian lâu dài, thì cũng sẽ có một thứ cảm giác. Bồ Tát Phổ Hiền giáo hoá tất cả chúng sinh, chẳng những độ hữu tình, mà cho đến vô tình cũng muốn độ; hữu tình vô tình, đồng viên chủng trí, đồng thành Phật đạo, do đó gọi là Phổ Hiền. Ngài nguyện độ hết thảy hoa cỏ cây cối, một số người chỉ biết độ người, còn Ngài dù chẳng có sinh mạng cũng muốn độ. Hai chữ Bồ Tát, lại có thể dịch thành Chúng sinh đại đạo tâm, còn gọi là Khai Sĩ, vì Ngài đều công khai hết thảy, chẳng có tâm ích kỷ, chẳng có tâm lợi mình, chẳng có tâm đố kị, chẳng có tâm chướng ngại. Ma Ha Tát, tức là đại Bồ Tát. Vị Bồ Tát Phổ Hiền nầy là đại Bồ Tát trong hàng Bồ Tát, chẳng phải tiểu Bồ Tát. Lúc ban đầu mới phát tâm bồ đề là tiểu Bồ Tát, khi phát tâm bồ đề lâu rồi, tức là đại Bồ Tát. Lúc ban đầu thọ Bồ Tát giới là tiểu Bồ Tát, khi Bồ Tát giới thọ lâu rồi, lại nương giới tu hành, tức là đại Bồ Tát.

Bồ Tát Phổ Hiền khen ngợi tán thán công đức thù thắng của Như Lai. Thế nào gọi là Như Lai? Như Lai là một trong mười danh hiệu của Phật. Tất cả chư Phật trước kia có rất nhiều danh hiệu, vì quá nhiều nên con người không dễ gì nhớ hết, mới giảm xuống còn một vạn danh hiệu, một vạn danh hiệu vẫn không dễ gì nhớ hết được, lại giảm xuống còn một ngàn danh hiệu, một ngàn danh hiệu vẫn còn quá nhiều, bèn giảm xuống còn một trăm danh hiệu. Vì chúng sinh sức nhớ không tốt, cho nên cuối cùng giảm xuống còn mười danh hiệu. Chữ Như của Như Lai nghĩa là bất động, tức là tĩnh. Lai nghĩa là động. Nghĩa là trong tĩnh có động, trong động có tĩnh. Như Lai là thừa đạo Như thật, đây là tĩnh; Lai thành Chính giác, đây là động.

Tuy trên danh xưng có động, có tĩnh, nhưng bản thể của Phật thì chẳng động, chẳng tĩnh, động tĩnh không hai; động tức là tĩnh, tĩnh tức là động. Phải nói như thế nào đây? Vì động là từ trong tĩnh sinh ra, mà tĩnh là do trong động hiển ra, cho nên động tĩnh không hai gọi là Như Lai. Bồ Tát Phổ Hiền ở tại một phẩm trước tán thán công đức của Như Lai, hơn hết tất cả công đức, vì tất cả công đức không bằng được. Công đức của Như Lai dù có nói, cũng nói không hết được, khen ngợi cũng khen ngợi không hết được. Tuy nói không hết, khen ngợi không hết, nhưng Bồ Tát Phổ Hiền dùng hạnh nguyện rộng lớn của Ngài, để khen ngợi công đức thù thắng của Như Lai. Thế nào gọi là công đức? Công thì phải lập, đức thì phải làm. Thế nào gọi là lập công? Ví như, trong một trường học, có một vị thầy giáo, tận tâm tận sức đối với trường học, dạy học hết mình, và còn làm những công việc khác, đây tức là công. Đức là làm việc có lợi ích đối với tất cả mọi người, giúp người không cần đền đáp, thi ân bất cầu báo, đây tức là đức.

Đức có phân ra đức lớn và đức nhỏ, chẳng phải nói làm đức phải làm lớn, còn đức nhỏ thì không làm. Thế nào gọi là đức nhỏ? Nghĩa là đối với người khác có lợi ích rất nhỏ, cũng phải làm. Bạn làm được nhiều rồi, thì tính đức sẽ tự nhiên lớn lên. Nếu bạn không làm, thì vĩnh viễn sẽ chẳng có đức. Do đó Đạo thì phải hành, tu đạo là phải tu hành, chẳng phải chỉ nói suông tu đạo bằng cái miệng, suốt ngày đến tối nhớ tu đạo, mà chẳng chịu tu hành, đây gọi là Khẩu đầu thiền mà thôi, chẳng có ích gì. Đức thì phải làm, chẳng làm thì sẽ không có đức. Cho nên nói: Đạo thì phải hành, không hành sao gọi là đạo; Đức thì phải làm, không làm sao có đức. Công đức của Như Lai không thể nào tán thán khen ngợi hết được. Bồ Tát Phổ Hiền khen ngợi công đức của Như Lai rồi, bảo hết thảy vô lượng vô biên các Bồ Tát trong pháp hội Hoa Nghiêm và Thiện Tài đồng tử.

Người tin Phật thì phải lạy Phật, cho đến Phật mà không lạy, thì làm sao nói đến lòng tin được? Do đó chúng ta phải lễ lạy tượng Phật. Tượng Phật tuy làm bằng gỗ, vậy chúng ta lạy Ngài có lợi ích gì? Tượng Phật đó cũng chẳng phải Phật, Phật thì đầy khắp tất cả mọi nơi, chẳng có một nơi nào mà chẳng có pháp thân của Phật ở tại đó. Tượng gỗ chỉ bất quá là một thứ biểu pháp mà thôi, cũng là đại biểu cho Phật. Giống như lá cờ của mỗi quốc gia, người dân cùng hướng về lá cờ quốc gia hành lễ chí kính, lá cờ làm bằng vải hoặc bằng giấy, vậy bạn lễ kính lá cờ có lợi ích gì? Quốc kỳ là đại biểu tính mạng của một quốc gia, cho nên nhân dân hướng về quốc kỳ lễ kính, tức cũng là cung kính đối với quốc gia. Tượng Phật cũng là tượng trưng cho đức Phật, do đó chúng ta phải lễ lạy tượng Phật. Phật thì đầy khắp tất cả mọi nơi, vậy có phải chúng ta hướng về bốn phương tám hướng đảnh lễ chăng? Không hẳn như vậy, chúng ta phải nương tựa một nơi, có chỗ nương tựa, thì sẽ có mục tiêu và đại biểu, giống như hành lễ chí kính một quốc gia, phải chăng phải đến mỗi tỉnh, hoặc mỗi huyện để kính lễ? Không cần làm như thế, chỉ cần hướng về trước lá cờ kính lễ thì được rồi.

Chúng ta hướng về tượng Phật kính lễ, ý nghĩa cũng giống như thế.

Bảy cách lạy Phật

1. Ngã mạn lễ: Có người tuy lạy Phật, nhưng ngã tướng không trừ, nên lạy chẳng tự nhiên, đều có cảm giác: Tôi lạy Phật để làm gì? Sao tôi phải lạy Ngài? Lạy Phật một cách rất miễn cưỡng, hoặc thấy người khác lạy, còn mình chẳng lạy, cảm thấy không thích hợp, cho nên cũng lạy theo, nhưng trong tâm bèn nghĩ: Đây là mê tín, lạy có ích gì? Đây là do còn tướng ta quá lớn, vẫn còn ngã mạn tồn tại

2. Cầu danh lễ: Nghe nhiều người khen ngợi nói người nào đó lạy Phật, lại tụng kinh, lại sám hối, thật là dụng công tu hành. Nghe người ta khen ngợi người đó tu hành, do đó họ bèn nghĩ muốn có được cái danh tu hành mà lễ Phật lễ sám. Tuy họ cũng tuỳ hỉ, nhưng họ chẳng phải lạy Phật một cách chân thật, mà là vì lạy danh cầu danh. Tức chẳng phải vì tin, cũng chẳng phải vì không tin mà lạy, mà là nhìn thấy người khác lạy Phật thọ được sự cúng dường, cung kính và khen ngợi, họ cũng muốn thọ người cúng dượng, cung kính, và khen ngợi

3. Thân tâm xướng hoà lễ: Nhìn thấy người ta lạy, tôi cũng lạy, họ lễ tôi cũng lễ, thân tâm chuyển theo người, họ như thế nào, tôi cũng như thế ấy, chẳng màng lạy Phật có ích lợi gì, hoặc chẳng có ích lợi gì, cũng chẳng màng là chính tín, hoặc là mê tín, họ lại chẳng có tâm cầu danh, chỉ là làm theo người khác, lễ lạy Phật như vậy cũng chẳng có công đức gì, cũng chẳng có lỗi lầm gì, chỉ bình thường mà thôi

4. Trí tịnh lễ: Thế nào gọi là trí tịnh lễ? Trí là trí tuệ, tịnh là thanh tịnh; dùng trí tuệ chân chính thanh tịnh thân tâm của mình. Đây là người có trí tuệ, phương pháp lạy Phật, thanh tịnh thân, miệng, ý, ba nghiệp của mình. Khi bạn lạy Phật, thì thân chẳng có phạm giới sát, trộm, dâm, cho nên thân nghiệp thanh tịnh. Khi bạn lạy Phật thì cũng chẳng có tâm tham, sân, si, chỉ một lòng cung kính lạy Phật, cho nên ý nghiệp cũng thanh tịnh. Khi bạn lạy Phật thì niệm danh hiệu Phật, hoặc trì tụng Kinh Chú, cũng không phạm nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, chửi mắng bốn điều ác, cho nên miệng cũng thanh tịnh. Thân miệng ý ba nghiệp thanh tịnh, đây là bậc trí dùng trí tuệ chân chính để lạy Phật, gọi là trí tịnh lễ

5. Vào khắp pháp giới lễ: Khi lạy Phật thì phải quán tưởng thân ta tuy chưa thành Phật, mà tâm tính đầy khắp pháp giới. Hiện tại đang lạy ở trước một vị Phật, đồng thời cũng lạy tất cả chư Phật khắp pháp giới. Không những chỉ lạy một vị Phật, mà là ở trước mỗi vị Phật, đều có hoá thân của tôi đảnh lễ cúi đầu,

đồng thời đang cúng dường chư Phật Bồ Tát. Do đó có câu: Tất cả do tâm tạo. Tâm đó của bạn đồng khắp pháp giới, thứ lễ lạy nầy cũng đồng khắp pháp giới, bạn tu hành như vậy, cũng đồng khắp pháp giới. Hết thảy ba ngàn đại thiên thế giới đều bao quát ở trong pháp giới, thân tận hư không khắp pháp giới, bạn hành cung kính lễ, cũng tận hư không khắp pháp giới, bạn đắc được công đức, cũng tận hư không khắp pháp giới

6. Chính quán tu hành chí thành lễ: Chính quán là chuyên nhất tâm để quán tưởng lạy Phật. Lạy một vị Phật là lạy pháp giới vị Phật, lạy pháp giới vị Phật tức cũng là lạy một vị Phật. Vì mười phương ba đời chư Phật đồng cùng một pháp thân, do đó Phật Phật đạo đồng, chúng ta phải chuyên nhất tâm để quán tưởng lạy Phật. Tu hành đừng khởi vọng tưởng, đừng có thân thì đang lạy Phật, còn tâm thì chạy đến nơi ô uế. Khi lạy Phật mà khởi vọng tưởng, đó là tà quán. Chính quán tu hành thì không khởi vọng tưởng, lạy Phật tức là một lòng lạy Phật, tâm không làm việc gì khác. Khi lạy Phật thì đừng khởi những vọng tưởng khác, đó gọi là Chính quán tu hành chí thành lễ. Tu hành như vậy, bạn lạy một vị Phật hơn hẳn trăm ngàn vạn vị Phật, cũng hơn hẳn những người khác lạy Phật trăm ngàn vạn lạy mà khởi vọng tưởng. Cho nên tu hành thì bạn phải biết pháp môn đó và đắc được để mà vào

7. Thật tướng bình đẳng lễ: Thật tướng lễ là lễ mà chẳng lễ, chẳng lễ mà lễ. Ý nghĩa là, tuy bạn lạy Phật mà chẳng chấp tướng lạy Phật, chứ chẳng phải nói bạn không lạy Phật tức là lạy Phật, như vậy thì biến thành cuồng vọng, loại người này không cách gì cứu được. Tại sao vậy? Vì sự chấp trước tướng của họ quá ngu si. Thật tướng bình đẳng lễ, là bình đẳng lễ lạy Tam Bảo, lạy cúng dường Phật Pháp Tăng, chẳng có sự phân biệt, một niệm chẳng sinh, một niệm chẳng diệt, đây tức là pháp thật tướng bình đẳng, chẳng sinh, chẳng diệt

Do đó có câu: Một niệm chẳng sinh toàn thể hiện. Chân thật lạy Phật, lạy đến một niệm không sinh, lạy đến không ta, không người, không chúng sinh, không thọ mạng, thì bạn với pháp giới hợp đồng một thể. Lúc đó mười phương thế giới hiện toàn thân, thân thể của bạn tuy đang ở đó, mà lớn đồng pháp giới, tức cũng là thật tướng, thật tướng vô tướng. Thân đó của bạn cũng tức là pháp giới, pháp giới tức cũng là thân của bạn, đây tức là thật tướng vô tướng. Hết thảy vũ trụ, tất cả vạn vật, đều bao quát ở trong tự tính của bạn, đây là một thứ thật tướng bình đẳng, một thứ cảnh giới không thể nghĩ bàn. Nếu bạn lạy Phật đến cảnh giới nầy, thì bạn nói chỗ diệu nầy nói có hết chăng? Nói không thể hết được! Ở trên đã nói đơn giản về lễ nghi bảy cách lễ lạy Tam Bảo, nếu nói rộng ra thì lễ nghi tới ba trăm, oai nghi tới ba ngàn, chữ lễ rất là nhiều.

Thế nào gọi là kính? Là làm theo những gì hợp với quy cụ, hợp với lễ nghi. Nếu chẳng giữ lễ, thì chẳng kính. Ví như bạn cung kính đối với người đó, thì ở trước mặt người đó phải giữ quy cụ. Nếu như chẳng cung kính người đó, thì có thể tuỳ tiện phóng dật. Nhưng hiện tại phải lễ kính đối với Phật, thì phải kiền thành, tất cung tất kính. Lễ kính chư Phật, tức là lễ kính tất cả chư Phật mười phương ba đời. Phật là bậc đại giác, phàm phu thì tuý sinh mộng tử, sống thì như kẻ say, chết thì như kẻ mộng, chẳng biết ba cõi là khổ, cũng chẳng muốn thoát khỏi ba cõi, đây tức là chẳng giác ngộ.



Ảnh minh họa thiết kế bởi AI (sưu tầm)

Hàng nhị thừa là bậc giác ngộ, giác ngộ sinh tử vô thường, rất là nguy hiểm, cho nên tu hành, đến được cảnh giới lý không, ngộ được pháp bốn đế, xưng là Thanh Văn. Ngộ được pháp mười hai nhân duyên, xưng là Duyên Giác. Trong nhân thế, có thể gọi là bậc giác ngộ, nhưng chỉ tự mình giác ngộ, mà không thể giác ngộ kẻ khác; chỉ biết tự lợi, mà chẳng biết lợi kẻ khác, đây gọi là tự giác. Bồ Tát lại khác với bậc A La Hán, Bồ Tát thì tự giác, lại giác tha, tự lợi lại lợi tha. Phật lại khác với Bồ Tát, Bồ Tát tuy tự giác giác tha, nhưng chưa có giác mãn. Phật thì giác hạnh viên mãn, giác cũng viên mãn, tu hành cũng viên mãn, tự giác cũng viên mãn, giác tha cũng viên mãn, cho nên Phật là một bậc đại giác, tức cũng là Ba giác tròn, vạn đức đầy, cho nên xưng là Phật. Vì không biết, cho nên nói là không có mười phương Phật. Mười phương Phật và Phật Thích Ca Mâu Ni là một thể, cho nên nói Mười phương ba đời chư Phật, đều cùng một pháp thân. Hiện tại Bồ Tát Phổ Hiền phát hạnh nguyện rộng lớn nầy, tu hành nguyện nầy lớn cỡ nào? Nguyện nầy là nguyện cảnh giới không thể nghĩ bàn, chẳng có cách chi biết được nguyện của Ngài lớn cỡ nào, cho nên xưng Bồ Tát Phổ Hiền là nguyện vương, nguyện của Ngài là vua trong các lời nguyện.

Một là, lễ kính chư Phật: Chúng ta không phải chỉ đảnh lễ đức Phật Thích Ca Mâu Ni, hoặc Phật A Di Đà, mà một cái lễ lạy, tức là tất cả lễ lạy, một vị Phật, tức là tất cả vị Phật; lễ một vị Phật, tức là lễ tất cả vị Phật; lễ tất cả vị Phật, tức là lễ một vị Phật. Lễ tất cả vị Phật, mà chẳng chấp tất cả vị Phật; lễ một vị Phật, cũng chẳng chấp một vị Phật, hành thật tướng bình đẳng lễ, tuy lễ tất cả vị Phật, hoặc một vị Phật, nhưng chẳng chấp vào hình tướng. Lạy Phật đừng có chấp tướng. Lễ kính chư Phật, phải chăng chư Phật cần chúng ta lễ kính? Chúng ta lễ Phật, Phật cũng là Phật; chúng ta chẳng lễ Phật, Phật cũng vẫn là Phật. Chứ chẳng phải chúng ta lễ Phật, thì Phật được nhiều lợi ích hơn một chút, lớn hơn một chút; còn chúng ta chẳng lễ Phật, thì Phật chẳng được lợi ích, cũng nhỏ hơn một chút. Chúng ta lễ Phật, là đem hết lòng cung kính của chúng ta, đối với phần của Phật cũng chẳng tăng, chẳng giảm, cho nên lễ Phật đừng chấp trước.

Hai là, khen ngợi Như Lai: Tại sao phải khen ngợi Như Lai? Như Lai cũng chẳng cần người khen ngợi, chẳng giống như chúng ta, bạn khen ngợi họ, thì họ vui mừng lắm, lỗ mũi cũng cười, con mắt cũng cười. Bạn chẳng khen ngợi họ, thì con mắt của họ sẽ nổi giận, lỗ mũi cũng nổi giận. Nếu như thế thì Phật với người chẳng có sự phân biệt, vậy chúng ta không cần lạy Phật, cũng chẳng cần khen ngợi Phật. Tại sao? Vì Ngài vẫn giống như phàm phu, sao chúng ta lại phải lạy Ngài, sao phải khen ngợi Ngài? Vậy Ngài không cần người khen ngợi Ngài, tại sao chúng ta vẫn muốn khen ngợi Ngài? Đây chẳng phải là mâu thuẫn chăng? Đây chẳng phải là mâu thuẫn, chúng ta khen ngợi Phật, thì đối với tự tính của chúng ta có công đức.

Có công đức gì? Trong tự tính của mỗi người đều có quang minh. Nếu bạn khen ngợi Phật, thì ánh sáng của bạn sẽ hiện ra, chiếu phá đen tối của bạn. Bạn khen ngợi công đức của Phật, thì trong vô hình khiến cho bạn sẽ không tạo tội nghiệp, sẽ không khởi vọng tưởng. Bạn bớt khởi một chút vọng tưởng, thì trí tuệ quang minh của bạn sẽ hiển lộ ra nhiều một chút. Tại sao người tu hành sợ khởi vọng tưởng? Vì khởi một vọng tưởng, thì làm cho tự tính nhiễm phủ một lớp đen tối. Chẳng khởi vọng tưởng, thì tự tính quang minh sẽ hiển lộ ra. Khi khen ngợi Phật, trong tâm hoan hỉ Phật, thì trí tuệ quang minh hợp với Phật, tự tính quang minh cũng theo đó mà hiển hiện ra. Thế nào là khen ngợi Như Lai?

Ví như: Thiên thượng thiên hạ vô như Phật: Trên trời dưới nhân gian, chẳng có vị Bồ Tát, Bích Chi Phật, A La Hán, vị Thần nào, có thể sánh với Phật được. Thập phương thế giới diệc vô tỉ: Chẳng riêng gì trên trời, dưới nhân gian, chẳng có ai bằng Phật, mà trong mười phương thế giới, cũng chẳng có ai bằng Phật được. Hết thảy thế gian ta thấy hết: Hết thảy tất cả thế giới nầy, ta đều nhìn thấy hết. Tất cả không có ai như đức Phật: Tất cả chẳng có ai có thể sánh với Phật được.

Lại nói: Phật A Di Đà thân sắc vàng: Thân của đức Phật A Di Đà, giáo chủ cõi tây phương Cực Lạc thế giới, là màu vàng ròng. Tướng tốt quang minh chẳng ai bằng: Ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp của Ngài, quang minh chiếu khắp, chẳng có ai có thể sánh với Ngài được. Tướng bạch hào uyển chuyển như Tu Di: Tướng hào quang trắng giữa lông mi của Phật A Di Đà, uyển chuyển như núi Tu Di. Mắt Phật xanh biếc như nước bốn biển: Mắt của Phật A Di Đà xanh biếc như nước bốn biển. Trong quang minh có vô số hoá Phật: Trong quang minh của Phật A Di Đà, hoá ra vô lượng vô biên chư Phật. Hoá Bồ Tát cũng nhiều vô biên: Ngài lại hoá ra rất nhiều Bồ Tát, chẳng những có hoá Phật, mà còn có hoá Bồ Tát, hoá Thanh Văn, Duyên Giác và sáu nẻo chúng sinh, vô lượng vô biên. Bốn mươi tám nguyện độ chúng sinh: Phật A Di Đà có bốn mươi tám đại nguyện, để độ thoát tất cả chúng sinh. Chín phẩm sen vàng lên bờ giác: Hoa sen phân ra làm chín phẩm, mỗi một phẩm lại phân ra chín phẩm, tộng cộng tám mươi mốt phẩm, tám mươi mốt phẩm hoa sen nầy, đều tiếp dẫn chúng sinh đến Niết Bàn bờ bên kia, đây là một bộ phận tán thán Như Lai, cho nên thứ hai tu công đức tức là phải tán thán Như Lai.

Như Lai: Trong Kinh Kim Cang có nói: Bậc Như Lai, chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên gọi là Như Lai. Như là tĩnh, Lai là động. Như Lai có thể nói giống như đã đến rồi, nhưng bản thể của Ngài chẳng động. Lai - Chẳng từ đâu đến, đi - chẳng đi về đâu, Như là lý, Lai là sự, đây cũng là cảnh giới lý sự vô ngại của bản Kinh, bản Kinh có lý pháp giới, sự pháp giới, lý sự vô ngại pháp giới, sự sự vô ngại pháp giới. Như Lai là cảnh giới lý sự vô ngại, cũng là một trong mười danh hiệu của Phật.

Ba là, rộng tu cúng dường: Rộng là rộng lớn, tu tức là phải thực hành, tu hành cúng dường rộng lớn, cúng dường có rất nhiều thứ, như dùng thân cúng dường, dùng tâm cúng dường, cùng thân tâm để cúng dường. Thế nào gọi là dùng thân cúng dường? Giống như hai chúng đệ tử xuất gia, đây tức là dùng thân cúng dường chư Phật, dùng thân làm Phật sự, tu hành Phật pháp. Chẳng những dùng thân để cúng dường, cũng có thể nói dùng tâm để cúng dường, dùng chân tâm để tu hành Phật pháp, hằng ngày lễ lạy Phật, tụng kinh, niệm niệm không quên, đều hoan hỉ tu hành Phật pháp, đây gọi là thân tâm cúng dường. Cũng có dùng thân cúng dường, tức là một số người tại gia không thể chính thức xuất gia, hoặc trong sự bận rộn họ đến Chùa lạy Phật, thắp hương lạy Phật, đây gọi là thân cúng dường, hoặc thân chẳng đến, bận rộn chẳng có thời gian, mỗi ngày ở tại nhà thành tâm thắp lên bàn Phật một cây nhang, cúi đầu lễ Phật, lạy Phật, hoặc quán tưởng lạy Phật, đây gọi là tâm cúng dường. Hoặc dùng hương, hoa, để cúng dường, hoặc ở trước bàn Phật thắp đèn lên để cúng dường. Hoặc mua trái cây cúng Phật, hoặc đốt đèn cầy lên cúng Phật, hoặc dùng y mới để cúng dường Phật .v.v...

Rộng tu cúng dường vốn có mười thứ cúng dường, mười thứ cúng dường biến thành trăm thứ cúng dường, trăm thứ cúng dường biến thành ngàn thứ, vạn thứ cúng dường. Khi chúng ta cúng dường một vị Phật, thì ở trước một vị Phật, chúng ta quán tưởng cúng dường vô lượng vô biên chư Phật khắp pháp giới, ở trước mỗi vị Phật đều có thân của chúng ta đang cúng dường. Bạn quán tưởng như thế gọi là cúng dường pháp giới. Cúng dường pháp giới, thì cũng sẽ thành tựu công đức pháp giới; thành tựu công đức pháp giới, thì đắc được trí tuệ pháp giới, bạn đắc được trí tuệ pháp giới, thì viên thành quả vị pháp giới. Cho nên rộng tu cúng dường, tức là tận hết sức lực của bạn, để cúng dường Phật Pháp Tăng Tam Bảo.

Bốn là, sám hối nghiệp chướng: Sám là ăn năn những lỗi lầm đã tạo trước kia; hối là hối cải không làm nữa. Sám là sửa đổi những tội lỗi đã phạm trước kia, hối là sau này không làm những tội lỗi đã phạm trước kia. Đó là việc ác đã sinh, nay chấm dứt, việc ác chưa sinh, nay không sinh ra nữa; hối cũng là việc thiện đã sinh, nay làm cho tăng trưởng, việc thiện chưa sinh, nay khiến cho sinh ra. Nghiệp có rất nhiều thứ, nghiệp chướng là một trong ba chướng. Ba chướng là nghiệp chướng, báo chướng, phiền não chướng. Hiện tại nói về sám hối nghiệp chướng, tức cũng là sám hối báo chướng, cũng là sám hối phiền não chướng. Nghiệp chướng có ba thứ: Thân nghiệp, miệng nghiệp, ý nghiệp. Thân nghiệp tạo ra gồm có giết hại, trộm cắp, tà dâm. Giết hại: Thô thì giết hại những sinh vật lớn, như giết bò, dê, heo v.v... Tế, thì giết hại những sinh vật nhỏ, như giết kiến, muỗi, ruồi v.v...

Ngoài thô và tế ra, còn có cố ý giết, trong tâm muốn giết, tuy chưa hành động, nhưng trong tính giới thì đã phạm giới rồi. Trong tính không nên giết, mà trong tâm động niệm giết, về Bồ Tát giới thì đã phạm giới giết hại. Trộm cắp cũng như thế, lớn thì trộm chiếm nước khác, nhỏ thì trộm đồ vật của người khác. Tóm lại, người ta không cho mà lấy là trộm. Nghiệp dâm, cũng có lớn, có nhỏ, có thô, có tế, cho đến trong tâm khởi niệm dâm, thì trong tự tính chẳng thanh tịnh. Ý có ba điều ác: Tham, sân, si. Miệng có bốn điều ác: Nói dối, thêu dệt, hai lưỡi, chửi mắng. Thuở xưa đã tạo đủ thứ tội nghiệp, cho nên hiện tại chúng ta phải phát tâm sám hối. Đã tạo lỗi lầm, thì về sau đừng tái phạm nữa; những điều ác chưa làm, thì đừng khiến cho nó sinh ra, đây gọi là sám hối nghiệp chướng. Sám hối như thế nào? Thì phải ở trước Phật ăn năn hối cải, khóc lóc rơi lệ, dùng chân tâm sám hối, thì nghiệp chướng tự nhiên sẽ tiêu trừ, do đó có câu: Di thiên đại tội, nhất sám liền tiêu, Nghĩa là: Dù tội có lớn, sám hối sẽ tiêu trừ.

Năm là, tuỳ hỉ công đức: Tuỳ là tuỳ theo, hỉ là hoan hỉ, công là lập công, đức là làm đức hạnh. Tuỳ hỉ, cũng kêu người khác tuỳ hỉ chính mình để làm công đức, chính mình cũng tuỳ hỉ người khác làm công đức. Bạn muốn sám hối nghiệp

chướng, thì nhất định phải tuỳ hỉ công đức, làm đủ thứ công đức. Bạn sám hối nghiệp chướng của chính mình, hoặc không thể nhất thời tiêu trừ hết, nên càng phải làm nhiều công đức.

Tuỳ hỉ công đức tức là sám hối nghiệp chướng, sám hối nghiệp chướng, cũng tức là tuỳ hỉ công đức. Tại sao thứ năm là tuỳ hỉ công đức? Vì thứ tư là sám hối nghiệp chướng. Bạn muốn sám hối nghiệp chướng, thì nhất định phải thực hành tuỳ hỉ công đức thứ năm. Tuỳ hỉ công đức là bao quát làm tất cả việc thiện, hết thảy công đức lành đều phải tuỳ hỉ, tội nghiệt lỗi lầm đừng làm. Làm thế nào tuỳ hỉ công đức lành? Như có người đề nghị làm một việc gì đó có lợi ích cho người khác, đây gọi là lành - thiện.

Thế nào gọi là lập công? Công là việc công cộng, làm nhiều việc có ích cho đại chúng. Bạn xem chữ công là công tác, thêm chữ lực, nghĩa là bạn phải bỏ chút sức lực, để làm việc công cộng, như làm đường xá, làm cầu. Việc bạn làm, khiến cho mọi người đều được lợi ích, thì gọi là làm công. Công có thể tồn tại, có hình tướng, một số người có thể thấy được, ai ai cũng đều biết việc đó là ai làm, như bạn xây bao nhiêu trường học, trường học có khắc tên của bạn, đây gọi là lập công. Đức là làm được nơi tâm, việc bạn làm, khiến cho trong tâm hoan hỉ, gọi là đức; thứ đức hạnh nầy, một số người không nhất định biết. Đức có phân ra hiển đức và mật đức. Hiển đức là việc bạn làm, một số người đều rất vui mừng, hiển bày ra, mọi người đều biết hết. Mật đức, tức là việc bạn làm, có lợi ích đối với mọi người, nhưng một số người không biết. Tuỳ hỉ công đức, là việc tốt mình làm được, nên khiến cho người khác tuỳ hỉ đến làm; còn việc tốt của người khác làm, bạn biết rồi, cũng nên tận hết sức lực của mình đi trợ giúp người khác, đây gọi là tuỳ hỉ công đức của người khác. Tuỳ hỉ công đức, chẳng những tuỳ hỉ chính mình, mà cũng tuỳ hỉ người khác, cho đến tuỳ hỉ hết thảy chúng sinh pháp giới hoan hỉ làm việc công đức lành, bạn đều đi trợ giúp họ làm. Lại có tuỳ hỉ công đức của Phật, công đức của Bồ Tát, công đức của Thanh Văn Duyên Giác, tuỳ hỉ công đức của tất cả chúng sinh.

Thế nào gọi là tuỳ hỉ công đức của Phật? Ví như giảng Kinh thuyết pháp, giáo hoá chúng sinh, đây tức là tuỳ hỉ công đức của Phật. Đề xướng mọi người thực hành lục độ vạn hạnh, hành Bồ Tát đạo, đây là tuỳ hỉ công đức của Bồ Tát. Đề xướng tu mười hai nhân duyên, đây là tuỳ hỉ công đức của Duyên Giác. Bạn khiến cho tất cả mọi người tu pháp bốn đế, tức là tuỳ hỉ công đức của Thanh Văn. Sáu nẻo chúng sinh tuỳ hỉ công đức trời người, tức là tu năm giới mười điều lành. Cho nên nói về tuỳ hỉ công đức thì vô cùng vô tận.

Sáu là, thỉnh chuyển bánh xe pháp: Thế nào là bánh xe pháp? Bánh xe có tác dụng thu thúc thiên ma ngoại đạo, khiến cho chính pháp trụ lâu dài. Sau khi đức

Phật thành Phật rồi, ba lần chuyển bánh xe pháp bốn đế độ năm vị Tỳ Kheo. Chuyển bánh xe pháp tức là thuyết pháp, như thỉnh Phật thuyết pháp, thỉnh Bồ Tát thuyết pháp, thỉnh Thanh Văn, Duyên Giác thuyết pháp, thỉnh A La Hán thuyết pháp, thỉnh hết thảy pháp sư thuyết pháp, đây đều gọi là thỉnh chuyển bánh xe pháp.

Như mỗi ngày giảng Kinh, có vị cư sĩ, hoặc pháp sư ra thỉnh pháp, đây gọi là thỉnh chuyển bánh xe pháp, đây là một trong mười hạnh nguyện Phổ Hiền. Chuyển bánh xe pháp có ích lợi gì? Trên thế gian còn người chuyển bánh xe pháp, thì ma vương không dám xuất hiện. Nếu không còn ai chuyển bánh xe pháp, thì ma vương sẽ xuất hiện ra đời. Công đức chuyển bánh xe pháp, là do bạn thỉnh pháp mà thành tựu, bạn sẽ có công đức, tức cũng là tuỳ hỉ công đức. Chuyển bánh xe pháp có thể khai mở trí tuệ của bạn. Bạn thỉnh pháp sư vì mọi người thuyết pháp, thì đối với mọi người đều có lợi ích, đây tức là tuỳ hỉ công đức. Cho nên mười đại nguyện liên kết với nhau, như muốn sám hối nghiệp chướng, thì phải tuỳ hỉ công đức; bạn muốn tuỳ hỉ công đức, thì phải thỉnh chuyển bánh xe pháp. Thỉnh chuyển bánh xe pháp, chẳng riêng gì giảng kinh thuyết pháp, phàm là làm tất cả mọi việc trong Phật giáo, có liên quan đến Phật giáo, đều gọi là chuyển bánh xe pháp.

Như làm việc thu âm giảng kinh thuyết pháp, phiên dịch kinh điển, cho đến viết bài về Phật giáo có lợi ích cho mọi người, đều là thỉnh chuyển bánh xe pháp. Hơn nữa như đọc Kinh, tụng Kinh, lạy Kinh, tham thiền đả toạ, đều là một phần trong thỉnh chuyển bánh xe pháp. Cho nên thỉnh chuyển bánh xe pháp, chẳng phải riêng gì một việc giống nhau, phàm là tất cả mọi việc làm trong Phật giáo, việc có lợi ích cho Phật giáo, đều là thỉnh chuyển bánh xe pháp. Chỉ cần bạn minh bạch, tức là thỉnh chuyển bánh xe pháp, nếu chẳng minh bạch, làm những việc đó cảm thấy quá khổ cực, quá mệt mỏi, đây gọi là sợ chuyển bánh xe pháp.

Bảy là, thỉnh Phật ở lại đời: Phật ra đời, ở lại đời, sau đó vào Niết Bàn. Khi Phật ở lại đời, giống như thế gian có mặt trời, soi sáng thế gian. Phật vào Niết Bàn, thì thế gian đen tối, do đó Bồ Tát Phổ Hiền phát đại nguyện muốn thỉnh Phật ở lại đời, thỉnh Phật đừng vào Niết Bàn, mãi mãi ở lại thế gian. Phật thì hay làm mãn nguyện chúng sinh, nếu hết thảy chúng sinh đều thỉnh Phật ở lại đời, thì Phật sẽ không vào Niết Bàn. Nếu chẳng thỉnh Phật ở lại đời, thì Phật giáo hoá những người đáng được giáo hoá, xong rồi sẽ vào Niết Bàn.

Tám là, thường theo Phật học: Là luôn luôn theo Phật để học tập Phật pháp. Phật pháp rất là bao la, nhưng học Phật pháp đừng sợ nhiều, học được nhiều, thì trí tuệ càng lớn. Ví như tôn giả A Nan, tại sao trí nhớ của Ngài tốt? Do đó: Phật

pháp như biển cả, chảy vào tâm A Nan, vì tôn giả A Nan đời đời kiếp kiếp chú trọng về đa văn, cho nên trí nhớ của Ngài rất tốt. Thường theo Phật học thì đừng giải đãi, đừng làm biếng, đừng hôn trầm, phải siêng tu giới định tuệ, tiêu diệt tham sân si; bạn phải siêng tu giới định tuệ, tiêu diệt tham sân si, đó tức là thường theo Phật học.

Chín là, luôn thuận chúng sinh: Luôn là luôn luôn, luôn luôn không đổi, thuận là thuận theo, thuận theo cảnh giới chúng sinh. Luôn thuận chúng sinh, chúng sinh đều là điên đảo, phải chăng bạn luôn thuận chúng sinh điên đảo? Chúng sinh vốn chẳng có tri thức, nếu bạn luôn thuận chúng sinh chẳng có tri thức, thì phải chăng bạn đi vào con đường ngu si? Luôn thuận chúng sinh, là thuận tập quán của chúng sinh, và ở trong nghịch lưu cứu vớt họ ra, mới gọi là luôn thuận chúng sinh. Vì chúng sinh đều là điên đảo, điên đảo tức là nghịch lưu. Nếu bạn thuận chúng sinh, thì không thể thành Phật. Nếu bạn muốn thành Phật, thì không thể thuận chúng sinh.

Tại sao Bồ Tát Phổ Hiền muốn luôn thuận chúng sinh? Tức là muốn ở trong dòng nghịch lưu, làm cho chúng sinh thuận theo, và cứu vớt họ thoát ra, do đó: Ngược dòng phàm phu sáu trần, nhập vào dòng pháp tính Thánh nhân, đây là luôn thuận chúng sinh. Chúng sinh hoan hỉ tạo nghiệp, e rằng bạn cũng muốn tạo nghiệp chăng? Chúng sinh khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ quả báo, nếu bạn theo chúng sinh khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ quả báo, thì đó chẳng phải là chúng sinh chăng? Luôn thuận chúng sinh, tức cũng là luôn luôn độ chúng sinh không biết nhàm mỏi, khiến cho chúng sinh bỏ mê về giác; tức cũng là tu tinh tấn ba la mật, không chán ghét chúng sinh tạo tội, dù có chúng sinh tạo rất nhiều tội nghiệp, cũng không bỏ họ, không có tâm niệm rằng: Không độ họ, để họ đoạ địa ngục, nên dùng tâm từ bi hỉ xả để độ họ, đây mới là chân chính tinh tấn ba la mật. Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni tu đạo tại nhân địa, thì ở trong núi tu bố thí tinh tấn ba la mật.

Mười là, hồi hướng khắp hết: Hồi là hồi lại, hướng là hướng tới; hồi là hồi vào bên trong, hướng là hướng ra bên ngoài. Khắp là khắp cùng, hết thảy tất cả mọi việc, tất cả công đức, đều hồi hướng về chư Phật. Trước hết phải hồi lại, sau đó hướng ra bên ngoài. Tất cả đem phàm phu hồi hướng Thánh nhân, đem chúng sinh hồi hướng chư Phật. Hồi phàm hướng Thánh, đây là hồi hướng; hồi chúng hướng Phật, đây là hồi hướng; hồi sự hướng lý, đây là hồi hướng; hồi tiểu hướng đại, đây là hồi hướng; hồi tự hướng tha, đây là hồi hướng. Thế nào gọi là hồi tự hướng tha? Ví như tôi đem công đức làm việc tốt, hồi hướng cho bạn bè của tôi, khiến cho họ cũng phát bồ đề tâm, thành vô thượng đạo. Hồi sự hướng lý, tức là việc làm tuy là hữu hình, nhưng muốn hồi hướng lý, lý là vô hình, đem công đức hữu hình, hồi hướng về pháp giới vô hình. Hồi tiểu hướng đại, là hiện tại tuy tôi

là tiểu thừa, nhưng chẳng chê bai pháp khác, tu thêm cả pháp đại thừa.

Như chúng ta mỗi ngày giảng Kinh xong rồi, đều đọc bài kệ hồi hướng rằng:

Nguyện đem công đức nầy
Trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh
Trên đền bốn ân nặng
Dưới cứu ba đường khổ
Nếu có ai thấy nghe
Liền phát tâm bồ đề
Khi xả báo thân nầy
Đồng sinh về Cực Lạc

Giảng Kinh là bố thí pháp, là bố thí thù thắng nhất, có thể nói là lớn hơn công đức đem bảy báu ba ngàn đại thiên thế giới ra bố thí. Tuy lớn như vậy, nhưng công đức đó tôi không cần, mà nguyện đem công đức giảng Kinh thuyết pháp nầy, để trang nghiêm cõi tịnh độ của mười phương chư Phật. Trên báo đủ thứ ân trời đất, quốc vương, cha mẹ, sư trưởng, dưới cứu địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, ba đường khổ. Giả sử, có ai gặp được pháp hội giảng Kinh, nghe thấy được pháp nầy, thì mau phát bồ đề tâm. Thân nầy hiện tại của chúng ta là báo thân, khi thân nầy không còn nữa, thì mọi người cùng nhau sinh về thế giới Cực Lạc, đây tức là hồi hướng. Bồ Tát Phổ Hiền làm tất cả công đức, đều hồi hướng về chư Phật.

Bồ Tát Phổ Hiền bảo Thiện Tài đồng tử rằng: "Thiện nam tử! Nói lễ kính chư Phật là hết thảy tận pháp giới hư không giới, chư Phật Thế Tôn nhiều như số hạt bụi mười phương ba đời tất cả cõi Phật, con nhờ sức hạnh nguyện Phổ Hiền, dùng tâm chí thành khẩn thiết, để tin hiểu tất cả chư Phật. Khi lễ kính Phật, thì tâm phải quán tưởng "Con đang ở trước Phật, Phật cũng đang ở trước con". Có bài kệ rằng:

"Năng lễ sở lễ tính không tịch": Người lễ Phật gọi là năng lễ, sở lạy Phật gọi là sở lễ, bất luận là lạy Phật, hoặc sở lạy, bản tính đều là không tịch - vắng lặng. Tuy là không tịch, mà ở trong hư không có một sức lực cảm ứng, cho nên nói "Cảm ứng đạo giao nan tư nghì", sự cảm ứng đạo giao nầy, là không thể nghĩ bàn, tưởng tượng không tới được, là "lời lẽ đã bặt, nơi tâm hành đã diệt", muốn nói cũng nói không ra, tâm sinh vọng tưởng, muốn biết đây là gì, nhưng lại không biết.

"Ngã thử đạo tràng như đế châu": Đạo tràng của con đây, giống như hạt châu ở trước cung điện của trời Đế Thích, hạt châu nầy thấy được tất cả cảnh tượng.

“Thích Ca Như Lai ảnh hiện trung”: Hình tượng của Phật Thích Ca Mâu Ni hiện ra ở trong hạt châu.

“Ngã thân ảnh hiện Thích Ca tiền”: Thân con hiện ra tựa như cái bóng, ở trước đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

“Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ”: Con ở trước đức Phật Thích Ca Mâu Ni, năm thể sát đất, một lòng lạy Phật. Lạy Phật phải có tâm như vậy, đây gọi là “Thâm tâm tin hiểu”.

“Như ở trước mặt”: Khi chúng ta lạy Phật, thì quán tưởng chúng ta đang ở trước Phật, Phật cũng đang ở trước chúng ta, hổ tương hiển hiện. Như Khổng Tử Nho giáo có nói rằng: “Tế như tại, tế thần như thần tại”. Tôi tế lễ quỷ thần, thì quỷ thần sẽ ở tại đây. Lại nói: “Như tại kỳ thượng”, lạy tế quỷ thần, thì quỷ thần sẽ ở trước mặt. “Như tại kỳ tả hữu”, lại tựa giống như ở bên phải, bên phái. “Như” là bạn tưởng tượng ra như vậy, bạn nghĩ chúng giống “Như đang ở trước mặt, như đang ở bên phải, bên trái”, lạy Phật cũng như thế, như đang ở trước mặt, như đang ở bên phải, bên trái. Nếu Phật đang ở trước mặt bạn, thì đương nhiên bạn sẽ lạy Phật hết sức cung kính, không thể cẩu thả. Như chúng ta gặp một người, đối với họ hành lễ, thì cũng cung kính, nhưng nếu họ không có ở đó, thì sẽ cẩu thả một chút, không cung kính hết mình.

“Đều dùng thân lời ý nghiệp thanh tịnh”: Đều hoàn toàn dùng thân lời ý nghiệp thanh tịnh. Bạn không thể tạo mười nghiệp ác trước, sau đó mới đến lạy Phật. Thân có ba nghiệp ác: Giết, trộm, dâm. Bạn không thể đi giết hại trước, rồi sau đó mới đến lễ Phật, sám hối nghiệp chướng. Không sát sinh, thì bạn không lạy Phật, sát sinh rồi, hai tay dính đầy máu, mới đến lạy Phật, đây gọi là thân nghiệp chẳng thanh tịnh. Bạn cũng không thể đi trộm cắp trước, rồi sau đó mới đến trước Phật lạy Phật sám hối; bất cứ nam nữ, trước hết làm rất nhiều việc không chính đáng, sau đó mới đến trước Phật lạy Phật cầu sám hối, đây đều là dùng thân lới ý chẳng thanh tịnh để lạy Phật. Cần phải đừng sát sinh, đừng trộm cắp, đừng tà dâm, lễ Phật sau đó mới có cảm ứng. Ý có ba nghiệp ác là: Tham, sân, si.

Tại sao chúng ta bận rộn suốt ngày? Từ sáng tới tối không có nghỉ ngơi? Là vì có tâm tham, tâm tham chi phối chúng ta không khi nào nhàn hạ được. Khi tâm tham khởi lên, mà sở cầu không được như ý, thì sinh tâm sân, phiền não theo đó mà hiện ra. Tại sao có phiền não? Vì ngu si. Nếu người có trí tuệ thông minh, thì gặp bất cứ việc gì, cũng đều không sinh phiền não. Người ngu si đáng thương xót nhất, như chính mình không đi học, thấy họ có bằng bác sĩ rất vinh hiển, mình cũng nghĩ muốn có được bằng bác sĩ, nhưng không đi học, thì làm sao có bằng bác sĩ? Lại như không học Phật pháp, cũng chưa từng trải qua,

nghe nói thành Phật là tối cao vô thượng, bèn nghĩ muốn thành Phật, đây chẳng phải là ngu si chăng? Lại có lối nghĩ ngu si, người thích ngắm hoa, thì muốn "Hoa đẹp luôn luôn tươi tốt mãi", hi vọng hoa vĩnh viễn không phai tàn.

"Trăng sáng đêm nào cũng tròn hoài": Đây lại là một hạng người nghĩ muốn trăng tròn, mà không muốn trăng khuyết, hy vọng trăng đêm nào cũng chiếu sáng. Giống như người uống rượu thì nghĩ "Tất cả những dòng suối đều biến thành rượu", họ muốn tất cả những nơi nào có nước đều là rượu, khi họ muốn uống thì uống bất cứ lúc nào.

Người tham tiền thì nghĩ "Ước gì cây trong rừng đều biến thành tiền", hết thảy cây cối trong rừng đều biến thành tiền, khi họ muốn dùng tiền, thì vào trong rừng lấy chút tiền để dùng, như vậy làm sao được chứ? "Hoa đẹp luôn luôn tươi tốt mãi", lại có thể ví dụ hi vọng sắc đẹp của mình vĩnh viễn không thay đổi, rượu và tiền cũng đều có khắp nơi. "Trăng sáng đêm nào cũng tròn hoài", đây là thuộc về khí, khí gì? Hi vọng trăng sáng đêm nào cũng tròn, nhưng thực tế thì không thể nào được, do đó chẳng được như ý, chẳng được như ý tức là khí. Ở trên nói là rượu sắc tài khí.

Chúng ta muốn không ngu si, thì đừng có đủ thứ phiền não phát sinh, đây là ý nghiệp. Miệng có thể tạo rất nhiều nghiệp. Thêu dệt: Chuyên nói những lời không chính đáng. Vọng ngữ là nói dối, vọng ngữ có đại vọng ngữ, tiểu vọng ngữ. Đại vọng ngữ, ví như phạm tội giết người, trộm cắp, tà dâm, đều không thừa nhận. Chửi mắng là nói lời rất hung ác, khiến cho người chẳng muốn nghe. Hai lưỡi là hoan hỉ làm rắn hai đầu. Những điều ở trên đều là nghiệp chướng. Ai có những mao bệnh ở trên, thì thân miệng ý chẳng thanh tịnh, mà hiện tại nói là thân miệng ý ba nghiệp thanh tịnh để lạy Phật. Thường tu lễ kính, là thường thường tu thân miệng ý nghiệp thanh tịnh để lễ kính Phật. Tuy nhiên nói đã phạm tội sát sinh, trộm cắp, tà dâm và nói dối để lạy Phật thì chẳng thanh tịnh, nhưng bạn vẫn không biết sửa lỗi làm mới để lạy Phật, như vậy so với bạn không lạy còn tốt hơn, phải thân, miệng, ý, nghiệp thanh tịnh để lạy Phật. Khi lễ kính thì quán tưởng ở chỗ vô lượng vô biên mỗi vị Phật, tâm của chúng ta lễ kính cũng hiện ra vô lượng vô biên, thân của chúng ta cũng hiện ra bất khả bất khả thuyết, nhiều như số hạt bụi nói không hết được. Phật pháp thì có cảnh giới không thể nghĩ bàn như thế, chỉ cần bạn phát tâm lễ khắp pháp giới nầy, thì công đức lễ khắp cũng nhiều khắp pháp giới. Tuy thân bạn chưa thành Phật, nhưng có thể quán tưởng như vậy, thì ở trước mỗi vị Phật đều sẽ hiện ra thân của bạn.

Lời kết

Bộ Luận Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật được giảng giải bởi Hòa thượng Tuyên Hóa, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, gồm có 25 quyển. Bài viết này là những ý chính, cô đọng nhất của quyển 25 (quyển cuối).

Tác giả: Phạm Tuấn Minh

Tài liệu: Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật, Hòa thượng Tuyên Hóa, Hán dịch: Sa môn Thật Xoa Nan Đà, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, Chùa Kim Quang.